CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Ngày 31/03/2025	21,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**4.9%**	**5.0%**

DT thuần
Q1/25
421
tỷ VNĐ
QoQ: ▼145| -25.6%
YoY: ▼81.0| -16.1%

LN thuần
Q1/25
11.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼25.9| -69.9%
YoY: ▼23.4| -67.7%

LN sau thuế
Q1/25
8.93
tỷ VNĐ
QoQ: ▼23.8| -72.7%
YoY: ▼17.6| -66.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
3.1%
YoY: +/-▼ 4.2%

ROE (TTM)
Q1/25
9.7%
YoY: +/-▼ 2.3%

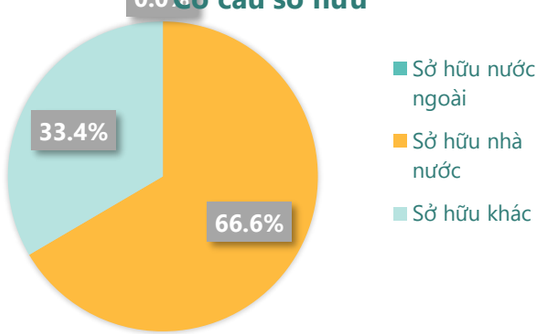
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	16,732 - 23,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	968
Số lượng CPLH (CP)	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,580
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.96)
EPS	1,832
P/E	11.7

DT thuần
2024
1,993
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 130| 7.0%

LN thuần
2024
125
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.00| -1.4%

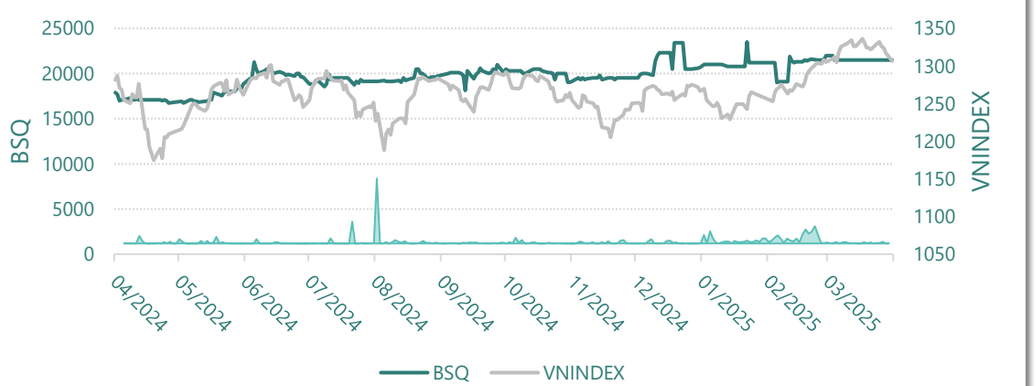
LN sau thuế
2024
100
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.00| -0.7%

Cơ cấu sở hữu

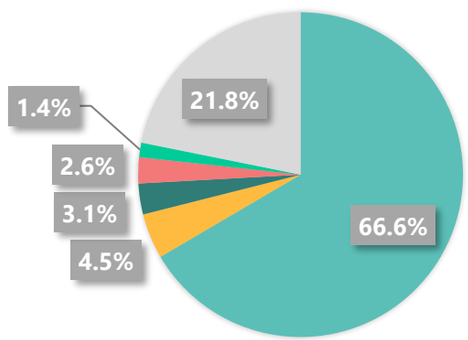


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

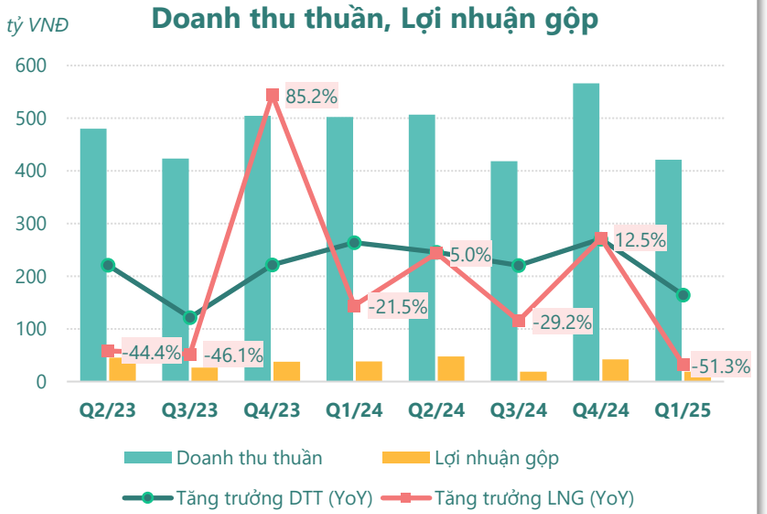


- Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn
- Nguyễn Thị Hạnh
- Trương Quang Vinh
- CTCP Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
- Đinh Văn Thuận
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

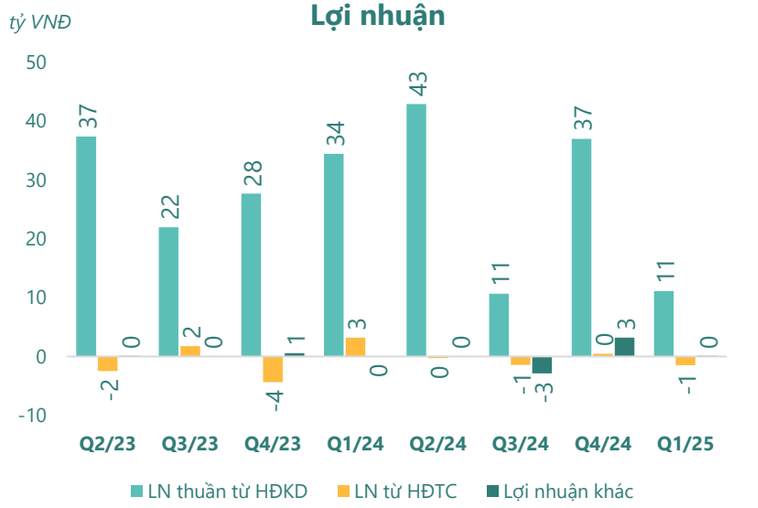
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



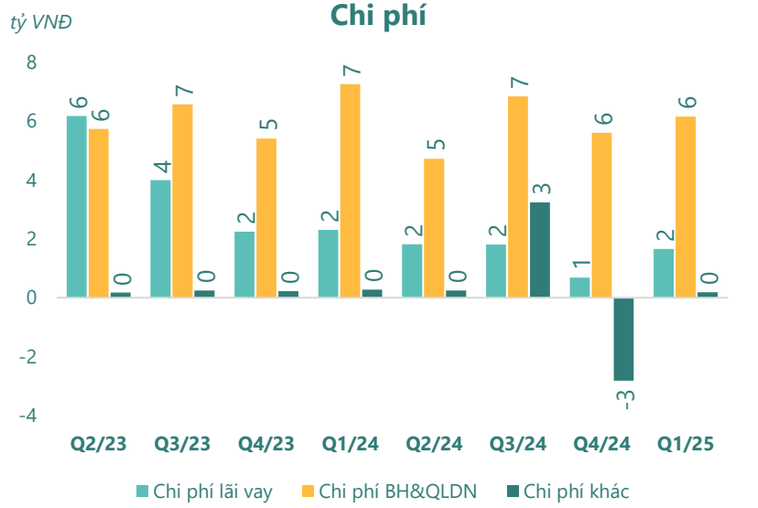
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



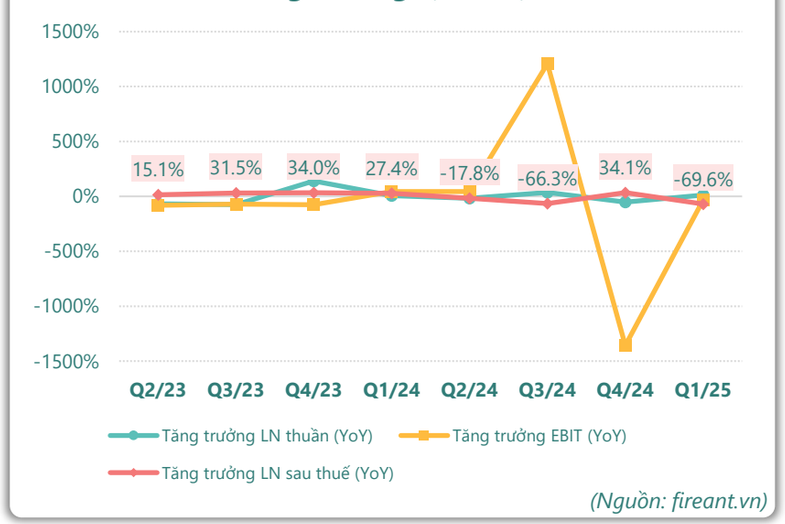
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



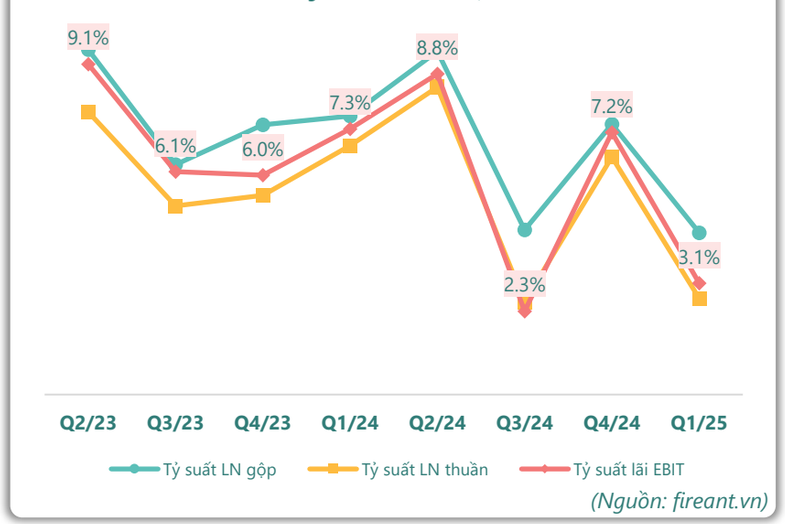
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



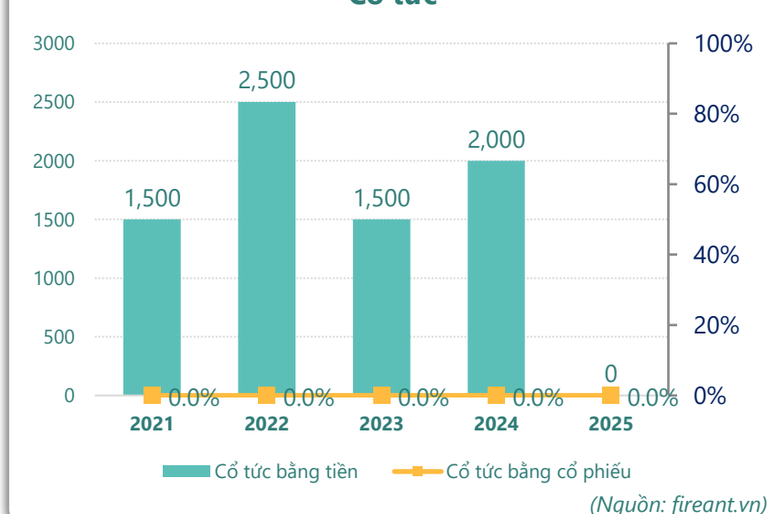
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

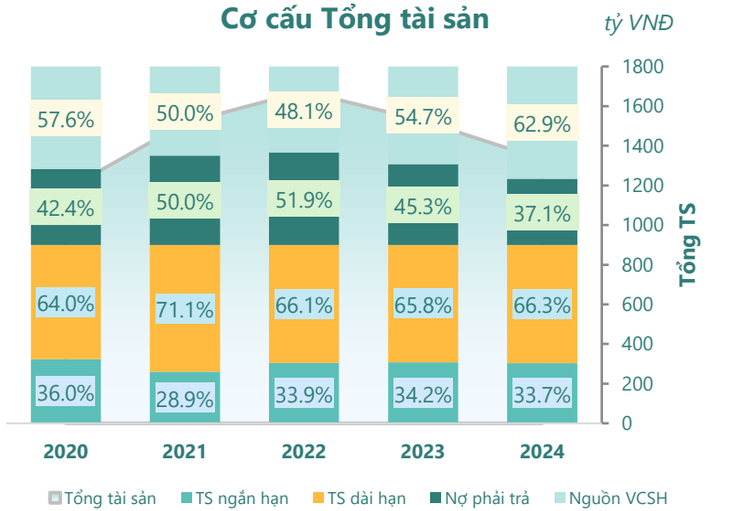
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

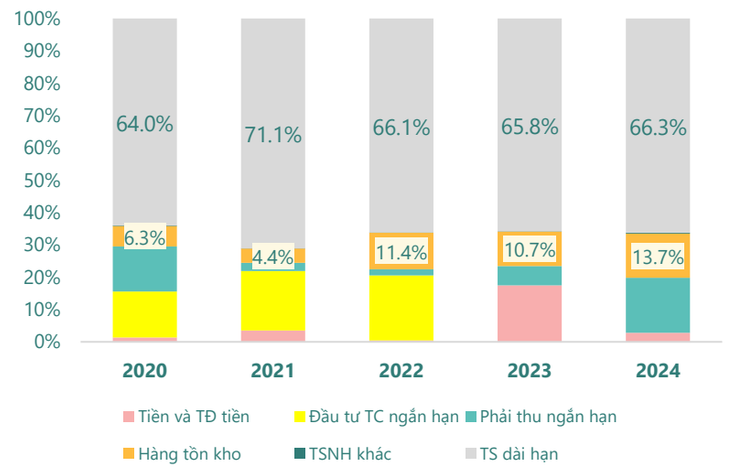
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



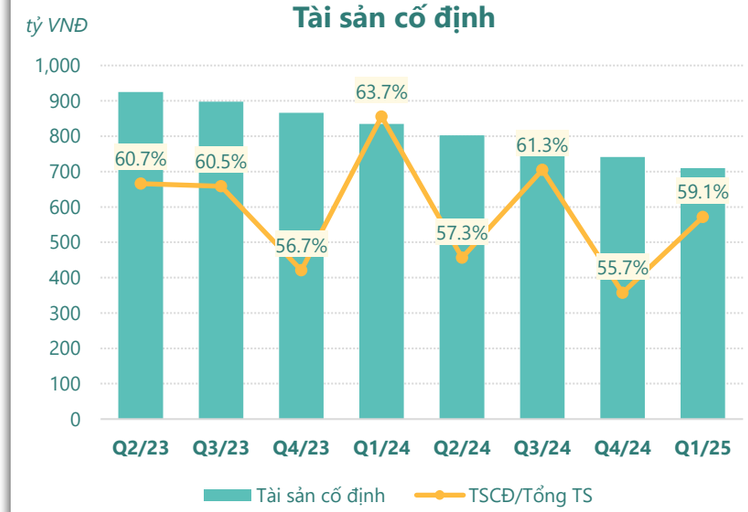
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



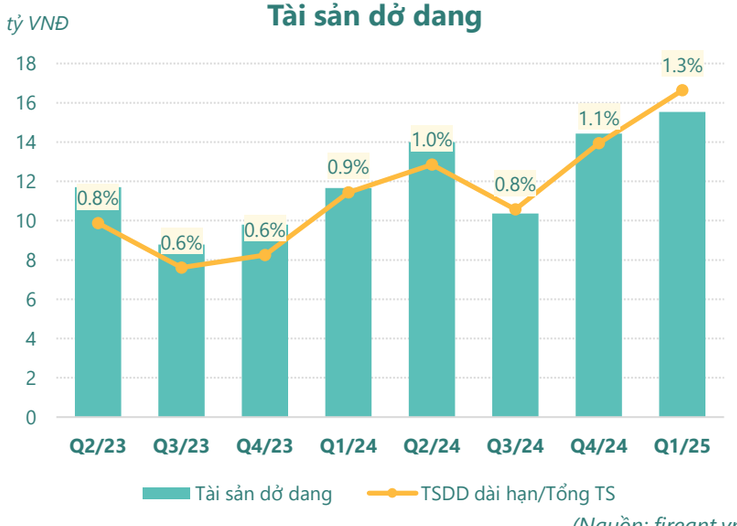
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



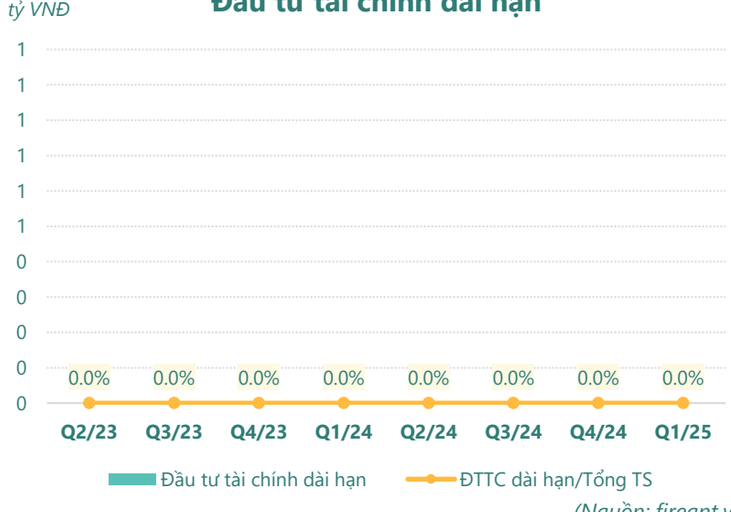
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



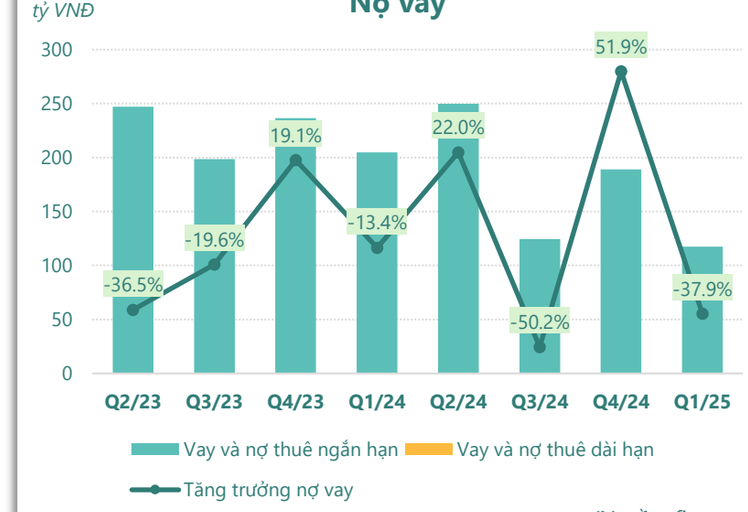
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

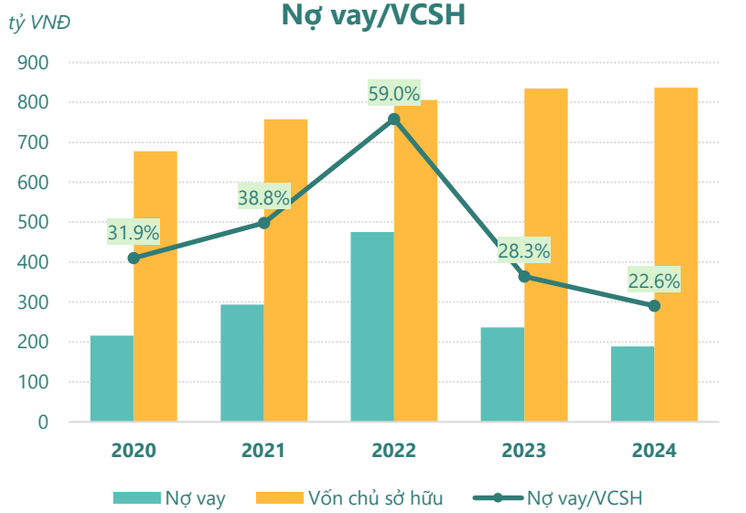
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

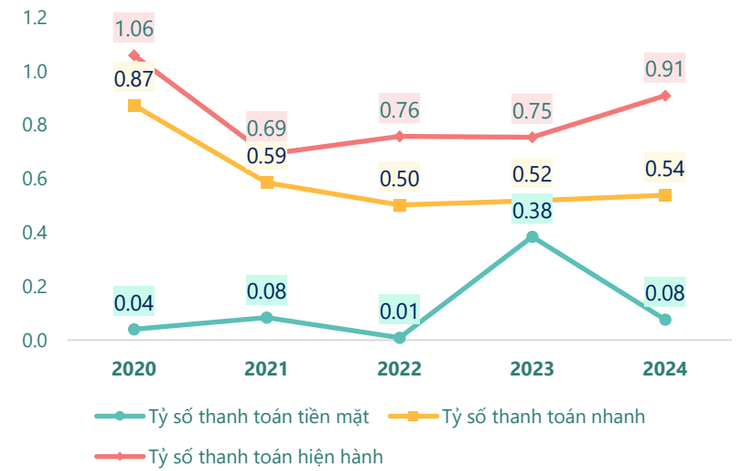
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



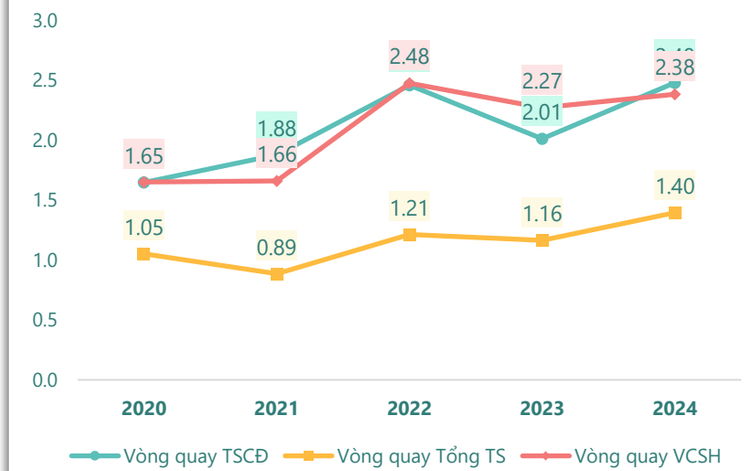
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



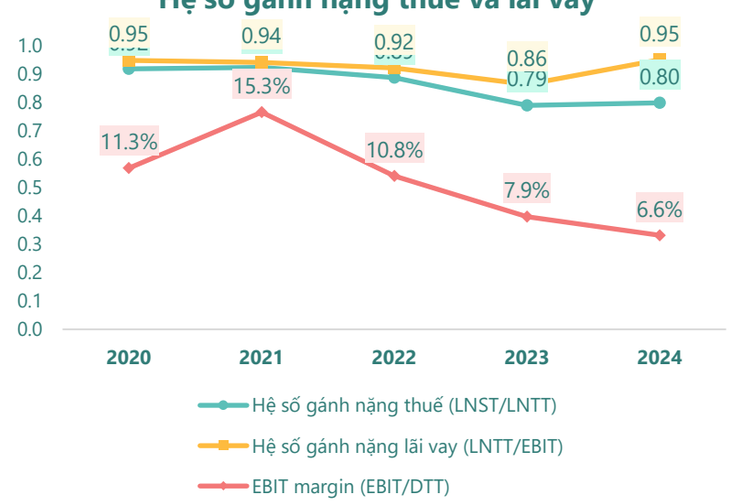
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



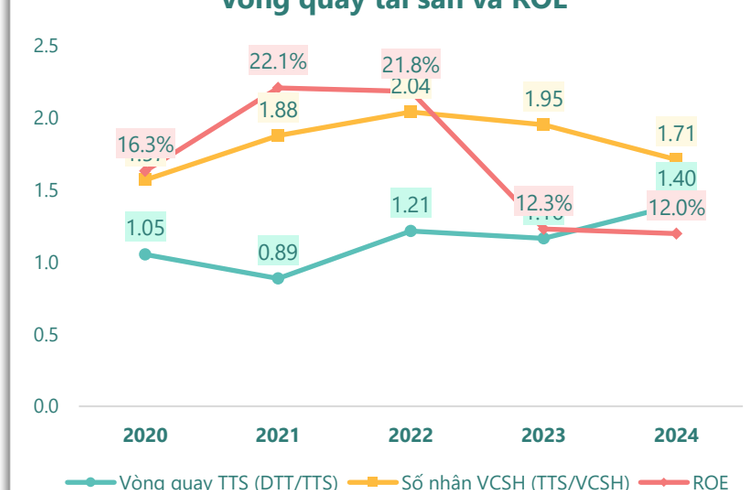
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



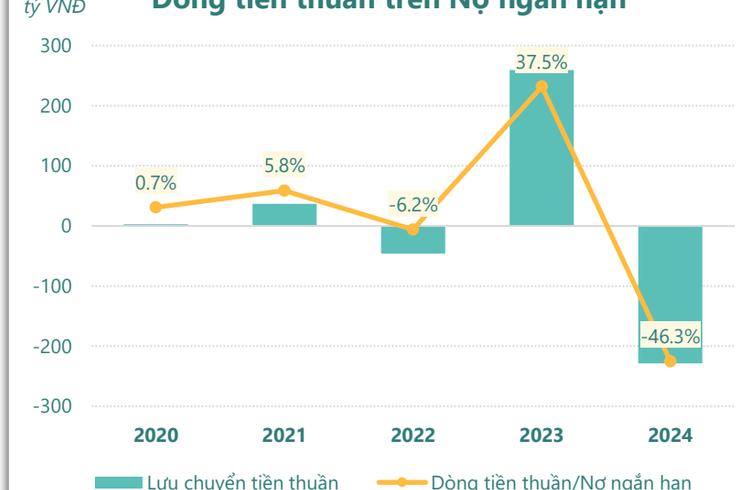
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**421**	**502**	**-16.1%**	**1,993**	**1,863**	**7.0%**
Giá vốn hàng bán	402	464	-13.3%	1,846	1,704	8.3%
Lợi nhuận gộp	18.8	38.5	-51.2%	148	159	-7.2%
Doanh thu HĐTC	0.20	5.49	-96.3%	8.94	20.0	-55.3%
Chi phí TC	1.67	2.30	-27.2%	6.98	28.6	-75.6%
Chi phí lãi vay	1.66	2.31	-28.1%	6.62	20.3	-67.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.67	3.38	-21.1%	13.0	8.59	50.9%
Chi phí QLDN	**3.50**	**3.89**	**-10.1%**	**11.5**	**14.9**	**-23.0%**
LN thuần từ HĐKD	11.1	34.5	-67.7%	125	127	-1.4%
Lợi nhuận khác	**0.11**	**-0.01**	**1225%**	**0.30**	**0.76**	**-59.7%**
LN trước thuế	11.3	34.4	-67.3%	125	128	-1.8%
Lợi nhuận sau thuế	**8.93**	**26.5**	**-66.3%**	**100**	**101**	**-0.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**8.93**	**26.5**	**-66.3%**	**100**	**101**	**-0.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-35.9	-24.1	71.4	85.8	-88.5	111
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	252	-182	-31.4	56.7	22.1	-4.72
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	37.5	-31.7	-18.7	-133	44.4	-71.6
Tiền đầu kỳ	12.8	266	28.7	50.0	59.6	37.7
Lưu chuyển tiền thuần	**253**	**-238**	**21.4**	**9.65**	**-21.9**	**34.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.05	0.09	-0.09	0.00	-0.01	-0.01
Tiền cuối kỳ	266	28.7	50.0	59.6	37.7	72.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,200**	**1,331**	**-9.8%**
Tài sản ngắn hạn	351	449	-21.9%
Tiền và tương đương tiền	72.6	37.7	92.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	85.2	226	-62.2%
Hàng tồn kho	190	183	4.1%
Tài sản ngắn hạn khác	2.72	3.03	-10.3%
Tài sản dài hạn	**850**	**882**	**-3.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	710	741	-4.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	15.5	14.4	7.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**124**	**126**	**-1.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	356	494	-27.9%
Nợ ngắn hạn	**356**	**494**	**-27.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	117	189	-37.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	30.1	49.3	-38.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**844**	**837**	**0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**844**	**837**	**0.9%**
Vốn điều lệ	450	450	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)